

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phạm
Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST- HNGĐ ngày 30/12/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐST- HNGĐ ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/Q-ST ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình K. sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu B, xó C, thành phố V, tỉnh Phỳ Thọ. Cú đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu B, xó C, thành phố V, tỉnh Phỳ Thọ. Hiện đang ở nước ngoài. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:**

Anh và chị Trần Thị T có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/1994 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng năm 2012 – 2013, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đ. Thời gian đầu chị T vẫn thường xuyên gọi điện về cho anh. Từ năm 2016 đến nay thì chị không còn liên lạc gì nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cho chị được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 20/02/1994 và cháu Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 04/11/1991. Hiện các cháu đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện chị Trần Thị T đang ở nước ngoài nên anh không có địa chỉ của chị Trần Thị T ở nước ngoài. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của anh Trần Văn T1, sinh năm 1968 là anh trai của chị Trần Thị T, cú địa chỉ tại thụn M, xó M, huyện B, thành phố Hà Nội để làm căn cứ giải quyết việc ly hôn của anh.

*** Anh Trần Văn T2 là anh trai của chị Trần Thị T trình bày:**

Anh là anh trai ruột của chị Trần Thị T, bố mẹ đẻ của chị T đã chết. Hiện chị Trần Thị T đang đi lao động ở nước ngoài. Chị Trần Thị T vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình. Tuy nhiên chị T không cung cấp địa chỉ của chị T ở nước ngoài nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị Trần Thị T ở nước ngoài cho Tòa án được. Về mâu thuẫn vợ chồng do anh ở xa nên anh cũng không biết được mâu thuẫn gia đình của chị T và anh K.

Việc anh K làm đơn xin ly hôn với chị Trần Thị T, anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị T biết. Tuy nhiên, đến ngày 03/2/2025, anh Trần Văn T1 có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cho biết gia đình anh không biết địa chỉ và cũng không liên lạc được nên không gửi văn bản thông báo của Tòa án cho bà Trần Thị T được. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án không gửi thông báo đến gia đình anh nữa do anh không có địa chỉ cũng như không liên lạc được với chị T.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh PhúThọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình K. Cho anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Trần Thị T.

Về con chung, về tài sản chung, cụng nợ, cụng sức khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của các đương sự trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly

hôn với chị Trần Thị T. Theo công văn số 1550/QLXNC-Đ1 ngày 20/12/2024 của Phòng Q – Công an tỉnh P cho biết: Chị Trần Thị T đã xuất cảnh ngày 30/01/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Trước khi xuất cảnh, chị Trần Thị T, sinh năm 1972; CMND số 131364420 có hộ khẩu tại khu B, xã C, thành phố V tỉnh Phú Thọ. Hiện nay chị Trần Thị T đang ở nước ngoài. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/1994 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T hiện đang ở nước ngoài, anh K chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị Trần Thị T, không cung cấp được địa chỉ của chị Trần Thị T ở nước ngoài cho Tòa án nên đã đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ thông qua anh Trần Văn T1, sinh năm 1968 là anh trai của chị Trần Thị T, cú địa chỉ tại thôn M, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội. Anh T1 xác nhận chị Trần Thị T hiện đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chị Trần Thị T vẫn thường xuyên gọi điện cho anh nhưng không cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị Trần Thị T ở nước ngoài nên ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Trần Thị T ở nước ngoài cho Tòa án.

Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa anh Nguyễn Đình K và chị Trần Thị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh Nguyễn Đình K yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 20/02/1994 và cháu Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 04/11/1991. Hiện các cháu đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Do anh Nguyễn Đình K không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đình K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình K

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung, cộng sức, cộng nợ chung: Tũa ỏn khụng xem xỏt giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Đình K đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000487 ngày 30/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Anh Nguyễn Đình K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Chu Hóa;
- Lưu: HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn